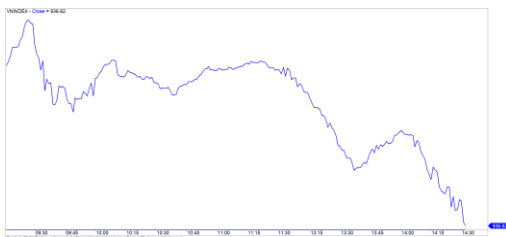


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	936.62	102.36	55.13
% ngày	-2.39%	-1.68%	-1.08%
% tuần	-5.53%	-3.69%	-1.94%
% tháng	-2.54%	-0.15%	-2.53%
% năm	2.85%	-0.51%	0.82%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,566	551	180
TB 1 tuần	4,329	448	167
TB 1 tháng	3,468	330	228
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	525.01	3.05	27.67
Bán	547.35	5.67	18.99
Giá trị ròng	-22.34	-2.62	8.67
Độ rộng TT			
Mã Tăng	71	44	131
Mã Giảm	238	83	128
Không Đổi	80	245	644
Chỉ số chính			
P/E	15.38	8.84	15.08
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,289	193	902
LS Cổ tức	2.38%	4.53%	4.17%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số thị trường có phiên giảm điểm thứ 2 liên tiếp. Chỉ số VN-Index giảm 2.39% đóng cửa tại 936.62 điểm. Chỉ số HNX-Index mất 1.68% chốt tại 102.36 điểm. Lực bán áp đảo đẩy giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục tăng hơn 6% so với phiên liền trước đạt hơn 4,650 tỷ đồng. Độ rộng thị trường tiếp tục tiêu cực khi VNIndex có 281 mã giảm và 73 mã tăng.

Lực bán tiếp tục quyết liệt thể hiện biên độ giảm mạnh trong đó toàn thị trường có 95 mã giảm hết biên độ. Trong VN30-Index, GAS, BVH, VNM, VJC, ROS, GMD, DPM có mức giảm trên 6%. Ở chiều ngược lại, CTD đóng cửa tăng 5.3% và độ thị giá đang trong xu hướng hồi phục ngắn hạn từ ngưỡng 47,000 đồng/cp. CTG, VHM là 2 cổ phiếu khác trong VN30-Index trụ được ở sắc xanh với mức tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành Dược tiếp tục phiên tăng thứ 2 liên tiếp như DVN(+14.4%), DHG(+7%), IMP(+6.8%), DBD(+4.5%)...

Khối ngoại tiếp tục có phiên bán ròng nhưng chỉ với giá trị hơn 16 tỷ đồng toàn thị trường. VNM(51.1 tỷ), CTG(28.5 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VCB(48.1 tỷ), VPB(31.6 tỷ) được mua ròng nhiều nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ sớm cân bằng trong các phiên giao dịch đầu tuần và chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại vùng giá 940 – 950 điểm. Đồng thời, tâm lý nhà đầu tư ngắn hạn đã chuyển sang trạng thái bi quan và nhiều cổ phiếu cũng rơi vào trạng thái quá bán cho thấy lực cầu có thể sẽ sớm gia tăng tại các mức giá thấp trong các phiên giao dịch tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 985.05 điểm của chỉ số VN-Index và 103.41 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, xu hướng ngắn hạn của chỉ số VNSmallcaps cũng bị hạ xuống mức GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 24% cổ phiếu/76% tiền.

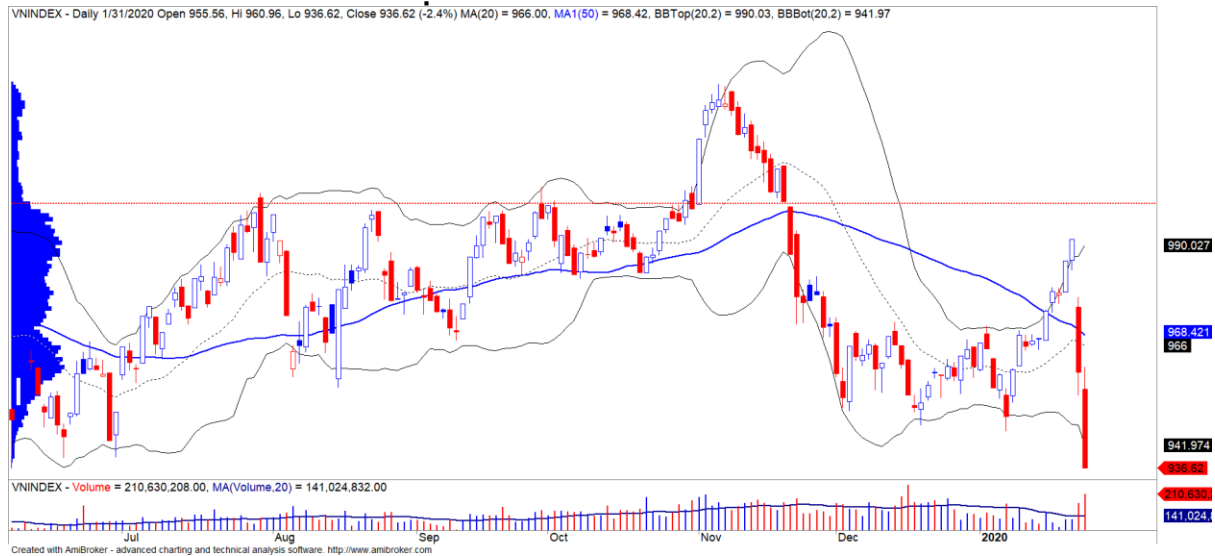
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 29% cổ phiếu.71% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.50	GIẢM	GIẢM	12.50	11.96	-4.32%	BÁN		13.75		
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		24.77			24.00	22.57	-4.17%	
ACV	64.60	GIẢM	GIẢM		70.52				77.50		
ANV	19.30	GIẢM	GIẢM		22.47				24.61		
ASM	5.94	GIẢM	GIẢM	6.50	6.17	-5.08%	BÁN		7.18		
BFC	11.40	GIẢM	GIẢM	12.10	11.62	-4.00%	BÁN		13.05		
BID	51.50	GIẢM	TĂNG	41.90	51.66	23.30%	BÁN	33.40	49.22	54.19%	
BMP	42.50	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM	8.50	7.72	-9.23%	BÁN		8.84		
BVH	58.80	GIẢM	GIẢM		67.47				72.56		
BWE	20.55	GIẢM	GIẢM		22.59				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	24.50	GIẢM	TĂNG	24.60	24.55	-0.18%	BÁN	26.00	22.83	-5.77%	
CMG	32.00	GIẢM	GIẢM		35.58				38.10		
CMX	14.30	TĂNG	GIẢM	12.55	11.89	13.94%			16.17		
CSM	13.60	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-4.90%			14.75		
CTD	55.70	TĂNG	GIẢM	52.70	50.43	5.69%			61.28		
CTG	24.40	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	18.45%		23.55	22.98	3.61%	
CTR	43.70	GIẢM	N/A	44.00	46.95	6.71%	BÁN	-	N/A		
CVT	19.70	GIẢM	GIẢM		21.60				22.18		
DCM	5.91	GIẢM	GIẢM		6.10				6.45		
DGC	24.60	TĂNG	GIẢM	25.20	24.42	-2.38%			26.93		
DGW	23.65	GIẢM	TĂNG		26.26			25.20	22.71	-6.15%	
DHA	32.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	0.47%			32.52		
DHC	39.50	TĂNG	TĂNG	39.60	39.08	-0.25%		37.70	36.02	4.77%	
DHG	99.50	TĂNG	TĂNG	93.00	86.56	6.99%		99.50	94.66	0.00%	MUA
DIG	12.10	GIẢM	GIẢM		13.23				14.46		
DPG	27.90	GIẢM	GIẢM		32.84				38.70		
DPM	11.60	GIẢM	GIẢM		13.00				13.89		
DPR	38.15	GIẢM	TĂNG	40.50	38.30	-5.42%	BÁN	41.30	36.21	-7.63%	
DQC	14.35	GIẢM	GIẢM		15.94				17.13		
DRC	23.00	GIẢM	GIẢM	24.10	24.56	1.91%	BÁN	21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	11.55	GIẢM	GIẢM		13.37				14.95		
EIB	17.85	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	0.28%		18.40	16.46	-2.99%	

We Create Fortune

FCN	9.70	GIẢM	GIẢM	10.30	9.81	-4.71%	BÁN		11.04		
FMC	25.50	GIẢM	TĂNG		26.41			31.60	25.00	-19.30%	
FPT	52.00	GIẢM	GIẢM		57.36			46.00	54.99	19.54%	BÁN
GAS	86.50	GIẢM	GIẢM		95.81				101.88		
GEX	19.30	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-5.85%			20.84		
GIL	18.90	TĂNG	TĂNG	17.50	17.62	8.00%		18.90	18.75	0.00%	MUA
GMD	19.10	GIẢM	GIẢM		21.85				23.37		
GTN	17.20	GIẢM	GIẢM		18.76				20.66		
GVR	10.80	GIẢM	N/A	11.70	10.88	-7.00%	BÁN		N/A		
HAG	3.64	GIẢM	GIẢM		4.08				4.22		
HAX	13.85	GIẢM	GIẢM		14.80				17.10		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		12.03				12.34		
HCM	19.25	GIẢM	GIẢM		22.36				23.40		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM	27.55	27.55	0.02%	BÁN		29.24		
HDC	21.00	GIẢM	GIẢM		23.29			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	27.50	GIẢM	GIẢM		30.73				32.97		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		14.36				15.25		
HPG	24.10	GIẢM	TĂNG	24.00	25.03	4.30%	BÁN	23.85	23.23	1.05%	
HSG	8.15	GIẢM	TĂNG	8.45	8.21	-2.84%	BÁN	7.75	7.52	5.16%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-13.02%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVN	28.45	GIẢM	GIẢM		32.82				35.49		
KBC	14.50	GIẢM	TĂNG		15.96			15.35	14.21	-5.54%	
KDH	25.00	GIẢM	TĂNG		26.24			24.00	24.98	4.17%	
KSB	16.00	TĂNG	GIẢM	16.55	15.44	-3.32%			17.89		
LCG	6.77	GIẢM	GIẢM		7.55				8.27		
LDG	7.07	GIẢM	GIẢM		8.15				9.18		
LHG	15.00	GIẢM	GIẢM		16.00				16.89		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM	7.60	7.46	-1.83%	BÁN		8.05		
MBB	20.80	GIẢM	GIẢM		22.55				22.70		
MPC	20.40	GIẢM	TĂNG	24.40	20.82	-14.66%	BÁN	24.10	19.14	-15.35%	
MSN	50.10	GIẢM	GIẢM		54.58				61.61		
MSR	14.80	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	2.78%			16.05		
MWG	110.80	GIẢM	GIẢM		119.47				122.49		
NDN	15.10	TĂNG	GIẢM	16.80	15.04	-10.12%			17.24		
NKG	8.34	GIẢM	TĂNG		10.25			7.11	8.06	17.30%	
NLG	26.50	GIẢM	TĂNG	27.05	27.04	-0.02%	BÁN	28.70	26.30	-7.67%	
NT2	19.25	TĂNG	GIẢM	19.80	18.55	-2.78%			20.20		
NTL	21.50	GIẢM	TĂNG	23.20	21.99	-5.22%	BÁN	24.20	21.14	-11.16%	

We Create Fortune

NVL	55.10	GIẢM	GIẢM		57.44				59.95		
OIL	7.20	GIẢM	GIẢM		8.29				9.30		
PAC	23.95	GIẢM	GIẢM		25.33				27.00		
PC1	16.80	GIẢM	GIẢM	17.85	17.63	-1.21%	BÁN		19.39		
PDR	26.05	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.70%		29.00	25.19	-10.17%	
PHR	36.35	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PLX	53.00	GIẢM	GIẢM		58.10				60.01		
PNJ	84.30	GIẢM	GIẢM		91.99			77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	10.50	GIẢM	GIẢM		11.31				12.20		
PVT	13.80	GIẢM	GIẢM		15.10				16.41		
PPC	25.60	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-9.86%	
PTB	66.10	GIẢM	GIẢM		69.62				72.68		
PVB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.15				19.65		
PVD	13.30	GIẢM	GIẢM		15.18				16.51		
PVI	30.60	GIẢM	GIẢM		32.98				33.18		
PVS	16.30	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PXS	5.31	GIẢM	TĂNG	5.78	5.63	-2.65%	BÁN	6.20	4.92	-14.35%	
QNS	27.50	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	-0.72%			28.87		
REE	33.90	GIẢM	GIẢM		37.65			33.33	35.23	5.70%	BÁN
SAB	212.00	GIẢM	GIẢM		233.21				248.37		
SAM	9.55	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	17.18%		7.40	8.67	29.05%	
SCR	5.06	GIẢM	GIẢM		5.48				5.93		
SHI	8.80	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	25.89%	
SJS	16.50	TĂNG	GIẢM	17.00	16.46	-2.94%		17.00	24.08	41.66%	BÁN
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		12.57			12.30	11.66	-5.18%	BÁN
SSI	17.70	GIẢM	GIẢM		19.37				19.73		
STB	10.20	GIẢM	TĂNG		11.03			10.20	9.94	0.00%	MUA
TCB	21.60	GIẢM	GIẢM		24.23				24.80		
TCM	20.65	GIẢM	TĂNG	20.95	20.83	-0.59%	BÁN	20.65	18.42	0.00%	MUA
TDH	9.90	GIẢM	GIẢM		10.65				11.10		
TLH	3.62	GIẢM	TĂNG		4.21			4.48	3.49	-19.20%	
TNG	15.50	TĂNG	TĂNG	15.10	15.39	2.65%		15.50	13.78	0.00%	MUA
VCB	88.70	GIẢM	TĂNG		94.17			62.00	86.74	43.06%	
VCG	25.30	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-1.94%		19.20	25.28	31.77%	
VCS	65.50	GIẢM	GIẢM		70.01				79.65		
VGC	18.05	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-1.90%			18.86		
VGT	8.40	TĂNG	GIẢM	8.90	8.25	-5.62%			8.95		
VHC	34.90	GIẢM	GIẢM		40.57				41.92		
VHM	87.50	TĂNG	GIẢM	86.30	85.23	1.39%			91.72		

We Create Fortune

VIB	17.10	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-3.93%		17.70	16.56	-3.39%	
VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.50%	
VIP	5.12	TĂNG	GIẢM	5.10	4.94	0.39%			5.28		
VJC	130.20	GIẢM	GIẢM		145.58			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VND	14.70	TĂNG	TĂNG	14.10	14.21	4.26%		14.70	13.53	0.00%	MUA
VNG	19.65	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VNM	108.50	GIẢM	GIẢM		121.50				126.07		
VPB	22.45	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	12.25%		21.90	20.51	2.51%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.06%		41.30	40.54	1.69%	
VRC	6.60	GIẢM	GIẢM		7.71				10.69		
VRE	30.05	GIẢM	GIẢM		33.01			35.05	32.08	-8.48%	BÁN
VSC	25.50	GIẢM	TĂNG	25.45	26.40	3.71%	BÁN	27.00	24.46	-5.56%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		24.77			24.00	22.57	-4.17%	
BID	51.50	GIẢM	TĂNG	41.90	51.66	23.30%	BÁN	33.40	49.22	54.19%	
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM	8.50	7.72	-9.23%	BÁN		8.84		
BVH	58.80	GIẢM	GIẢM		67.47				72.56		
CTG	24.40	TĂNG	TĂNG	20.60	24.09	18.45%		23.55	22.98	3.61%	
FPT	52.00	GIẢM	GIẢM		57.36			40.23	54.99	36.70%	BÁN
GAS	86.50	GIẢM	GIẢM		95.81				101.88		
GEX	19.30	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-5.85%			20.84		
GVR	10.80	GIẢM	N/A	11.70	10.88	-7.00%	BÁN		N/A		
HDB	27.00	GIẢM	GIẢM	27.55	27.55	0.02%	BÁN		29.24		
HNG	13.50	GIẢM	GIẢM		14.36				15.25		
HPG	24.10	GIẢM	TĂNG	24.00	25.03	4.30%	BÁN	23.85	23.23	1.05%	
HVN	28.45	GIẢM	GIẢM		32.82				35.49		
KDH	25.00	GIẢM	TĂNG		26.24			24.00	24.98	4.17%	
MBB	20.80	GIẢM	GIẢM		22.55				22.70		
MSN	50.10	GIẢM	GIẢM		54.58				61.61		
MWG	110.80	GIẢM	GIẢM		119.47				122.49		
NVL	55.10	GIẢM	GIẢM		57.44				59.95		
OIL	7.20	GIẢM	GIẢM		8.29				9.30		
PLX	53.00	GIẢM	GIẢM		58.10				60.01		
PNJ	84.30	GIẢM	GIẢM		91.99			77.07	84.79	10.01%	BÁN

We Create Fortune

POW	10.50	GIẢM	GIẢM		11.31				12.20		
QNS	27.50	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	-0.72%			28.87		
REE	33.90	GIẢM	GIẢM		37.65			33.33	35.23	5.70%	BÁN
ROS	9.33	GIẢM	GIẢM		11.76				13.87		
SBT	18.55	TĂNG	TĂNG	18.60	18.16	-0.27%		17.50	17.46	6.00%	
SSI	17.70	GIẢM	GIẢM		19.37				19.73		
STB	10.20	GIẢM	TĂNG		11.03			10.20	9.94	0.00%	MUA
TCB	21.60	GIẢM	GIẢM		24.23				24.80		
TPB	20.90	GIẢM	GIẢM	21.55	21.21	-1.58%	BÁN		23.94		
VCB	88.70	GIẢM	TĂNG		94.17			62.00	86.74	43.06%	
VCG	25.30	TĂNG	TĂNG	25.80	24.54	-1.94%		18.44	25.28	37.19%	
VCS	65.50	GIẢM	GIẢM		70.01				79.65		
VEA	44.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.30%			59.45		
VGI	25.00	TĂNG	N/A	25.80	24.39	-3.10%			N/A		
VHM	87.50	TĂNG	GIẢM	86.30	85.23	1.39%			91.72		
VIB	17.10	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-3.93%		15.00	16.56	13.97%	
VIC	114.80	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.50%	
VJC	130.20	GIẢM	GIẢM		145.58			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VNM	108.50	GIẢM	GIẢM		121.50				126.07		
VPB	22.45	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	12.25%		21.90	20.51	2.51%	
VRE	30.05	GIẢM	GIẢM		33.01			35.05	32.08	-8.48%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	11.50	GIẢM	GIẢM	12.50	11.96	-4.32%	BÁN		13.75		
ANV	19.30	GIẢM	GIẢM		22.47				24.61		
ASM	5.94	GIẢM	GIẢM	6.50	6.17	-5.08%	BÁN		7.18		
BMI	25.30	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	-1.36%		26.70	23.99	-5.24%	
BMP	42.50	GIẢM	GIẢM		46.38				49.34		
BWE	20.55	GIẢM	GIẢM		22.59				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		9.29				9.80		
CII	24.50	GIẢM	TĂNG	24.60	24.55	-0.18%	BÁN	26.00	22.83	-5.77%	
CRE	23.50	GIẢM	GIẢM		24.46			25.00	23.65	-5.42%	BÁN
CTI	21.70	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	-0.46%			23.07		
CTR	43.70	GIẢM	TĂNG	44.00	46.95	6.71%	BÁN	43.70	40.69	0.00%	MUA
D2D	55.50	GIẢM	GIẢM		66.54				77.80		

We Create Fortune

DBD	58.00	TĂNG	GIẢM	58.00	55.86	0.00%	MUA		60.29		
DCM	5.91	GIẢM	GIẢM		6.10				6.45		
DGW	23.65	GIẢM	TĂNG		26.26			25.20	22.71	-6.15%	
DHC	39.50	TĂNG	TĂNG	39.60	39.08	-0.25%		37.70	36.02	4.77%	
DIG	12.10	GIẢM	GIẢM		13.23				14.46		
DPG	27.90	GIẢM	GIẢM		32.84				38.70		
DPM	11.60	GIẢM	GIẢM		13.00				13.89		
DRC	23.00	GIẢM	GIẢM	24.10	24.56	1.91%	BÁN	21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	11.55	GIẢM	GIẢM		13.37				14.95		
E1VFN30	14.15	GIẢM	GIẢM		15.47				15.42		
FCN	9.70	GIẢM	GIẢM	10.30	9.81	-4.71%	BÁN		11.04		
FLC	3.98	GIẢM	GIẢM		4.47			4.63	4.02	-13.27%	BÁN
GEG	25.45	GIẢM	GIẢM		26.03				27.32		
GMD	19.10	GIẢM	GIẢM		21.85				23.37		
GTN	17.20	GIẢM	GIẢM		18.76				20.66		
HAG	3.64	GIẢM	GIẢM		4.08				4.22		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		12.03				12.34		
HCM	19.25	GIẢM	GIẢM		22.36				23.40		
HDC	21.00	GIẢM	GIẢM		23.29			15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	27.50	GIẢM	GIẢM		30.73				32.97		
HPX	26.55	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.45%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.15	GIẢM	TĂNG	8.45	8.21	-2.84%	BÁN	7.75	7.52	5.16%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-13.02%	
HTM	17.30	GIẢM	TĂNG	16.00	18.38	14.88%	BÁN	20.00	15.34	-13.50%	
IBC	20.50	GIẢM	GIẢM		20.58				21.22		
IDI	4.52	GIẢM	GIẢM		5.05				5.52		
IJC	13.70	GIẢM	GIẢM		15.00			13.10	14.05	7.27%	BÁN
ITA	2.39	GIẢM	GIẢM		2.70				2.92		
KBC	14.50	GIẢM	TĂNG		15.96			14.85	14.21	-2.34%	
KDC	18.90	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-3.08%		20.82	18.08	-9.20%	
KOS	29.70	TĂNG	TĂNG	26.80	27.53	10.82%		26.30	26.05	12.93%	
KSB	16.00	TĂNG	GIẢM	16.55	15.44	-3.32%			17.89		
LDG	7.07	GIẢM	GIẢM		8.15				9.18		
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM	7.60	7.46	-1.83%	BÁN		8.05		
MBG	15.00	GIẢM	GIẢM		17.37				27.83		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		15.08				15.75		
MPC	20.40	GIẢM	TĂNG	24.40	20.82	-14.66%	BÁN	24.10	19.14	-15.35%	
NBB	19.30	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		

We Create Fortune

NKG	8.34	GIẢM	TĂNG		10.25			7.11	8.06	17.30%	
NLG	26.50	GIẢM	TĂNG	27.05	27.04	-0.02%	BÁN	26.28	26.30	0.83%	
NT2	19.25	TĂNG	GIẢM	19.80	18.55	-2.78%			20.20		
NTL	21.50	GIẢM	TĂNG	23.20	21.99	-5.22%	BÁN	24.20	21.14	-11.16%	
NVB	9.00	GIẢM	TĂNG		9.63			8.50	8.62	5.88%	
OGC	3.35	GIẢM	GIẢM		3.65				3.92		
PC1	16.80	GIẢM	GIẢM	17.85	17.63	-1.21%	BÁN		19.39		
PDR	26.05	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.70%		23.59	25.19	10.40%	
PHR	36.35	GIẢM	GIẢM		41.44				46.96		
PPC	25.60	GIẢM	TĂNG		26.53			28.40	24.39	-9.86%	
PTB	66.10	GIẢM	GIẢM		69.62				72.68		
PVD	13.30	GIẢM	GIẢM		15.18				16.51		
PVI	30.60	GIẢM	GIẢM		32.98				33.18		
PVS	16.30	GIẢM	GIẢM		18.74				19.30		
PVT	13.80	GIẢM	GIẢM		15.10				16.41		
QCG	3.70	TĂNG	GIẢM	3.89	3.58	-4.88%			4.30		
SCR	5.06	GIẢM	GIẢM		5.48				5.93		
SGP	6.60	GIẢM	GIẢM	7.20	6.62	-8.10%	BÁN		8.49		
SHB	7.50	TĂNG	TĂNG	6.40	7.03	17.19%		7.10	6.52	5.63%	
SHS	7.10	GIẢM	GIẢM		7.76			8.40	7.36	-12.38%	BÁN
SZC	14.70	GIẢM	GIẢM		17.00				18.63		
TCH	41.05	TĂNG	TĂNG	30.05	39.17	36.61%		26.15	35.93	56.98%	
TCM	20.65	GIẢM	TĂNG	20.95	20.83	-0.59%	BÁN	20.65	18.42	0.00%	MUA
TDH	9.90	GIẢM	GIẢM		10.65				11.10		
TNG	15.50	TĂNG	TĂNG	15.10	15.39	2.65%		15.50	13.78	0.00%	MUA
TTB	3.70	GIẢM	GIẢM		4.25				6.34		
VGC	18.05	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-1.90%			18.86		
VGT	8.40	TĂNG	GIẢM	8.90	8.25	-5.62%			8.95		
VHC	34.90	GIẢM	GIẢM		40.57				41.92		
VND	14.70	TĂNG	TĂNG	14.10	14.21	4.26%		14.70	13.53	0.00%	MUA
VNG	19.65	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.06%		41.30	40.54	1.69%	



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.00	GIẢM	TĂNG		8.89			9.00	7.48	-11.11%	
AGR	3.40	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-5.56%			3.87		
AMD	1.70	GIẢM	GIẢM		2.03				2.33		
APG	10.35	TĂNG	TĂNG	8.76	10.28	18.15%		9.90	8.88	4.55%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.63			2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.75				7.40		
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.30	GIẢM	GIẢM		6.72				11.07		
CCL	6.60	GIẢM	TĂNG		7.53			7.88	6.27	-16.24%	
CVT	19.70	GIẢM	GIẢM		21.60				22.18		
DAH	8.28	GIẢM	GIẢM		9.55				10.73		
DLG	1.72	GIẢM	GIẢM		2.08				2.39		
DRH	3.38	TĂNG	GIẢM	3.63	3.11	-6.89%			4.24		
DTD	10.00	GIẢM	GIẢM		10.77				12.23		
EVG	2.50	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.65	GIẢM	GIẢM		9.78				10.68		
FTM	1.76	GIẢM	GIẢM		1.97				3.26		
FUES SV50	12.35	GIẢM	GIẢM		13.07				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	3.33%		14.90	14.67	4.03%	
HAH	10.90	GIẢM	GIẢM		11.72				12.82		
HAI	2.42	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.19	GIẢM	GIẢM		3.46				4.15		
HDA	9.10	GIẢM	GIẢM		9.82				10.48		
HHP	12.50	TĂNG	GIẢM	12.20	12.22	2.46%			13.13		
HHS	3.83	TĂNG	TĂNG	3.40	3.29	12.65%		3.36	2.97	13.99%	
HID	2.37	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	0.42%		2.63	2.16	-9.89%	
HII	9.64	TĂNG	GIẢM	9.75	9.52	-1.13%			10.51		
HQC	1.02	GIẢM	GIẢM		1.12				1.21		
HSL	8.19	TĂNG	GIẢM	8.00	7.42	2.37%			8.34		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.46				2.71		
HVG	8.30	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	6.14%		3.90	6.94	112.82%	
HVH	12.45	GIẢM	GIẢM		14.72				16.61		
IDJ	8.20	TĂNG	TĂNG	6.90	7.87	18.84%		7.20	6.50	13.89%	



We Create Fortune

JVC	3.47	TĂNG	GIẢM	3.47	3.30	0.00%	MUA		3.79		
KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.70			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.77	GIẢM	GIẢM		7.55				8.27		
LGL	7.20	GIẢM	GIẢM		8.11				8.67		
LHG	15.00	GIẢM	GIẢM		16.00				16.89		
LMH	2.53	GIẢM	GIẢM		3.45				5.76		
MST	5.10	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.34	50.00%	
NDN	15.10	TĂNG	GIẢM	16.80	15.04	-10.12%			17.24		
PHC	10.50	GIẢM	GIẢM		11.24				11.99		
PLP	9.40	GIẢM	GIẢM		10.03				10.90		
PVB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.15				19.65		
PVC	6.20	GIẢM	GIẢM		6.85				7.26		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.27				1.45		
PXL	7.70	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-4.94%		6.70	6.66	14.93%	
SHI	8.80	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	52.64%	
SJF	1.89	TĂNG	GIẢM	1.77	1.56	6.78%			2.06		
SPP	1.60	GIẢM	GIẢM		1.92				2.33		
TDC	8.30	TĂNG	GIẢM	8.75	8.27	-5.14%			9.04		
TIG	6.20	GIẢM	TĂNG		6.75			3.20	5.54	93.75%	
TLH	3.62	GIẢM	TĂNG		4.21			4.48	3.49	-19.20%	
TNA	18.75	GIẢM	GIẢM		20.19				22.82		
TNI	9.99	GIẢM	TĂNG		10.60			10.90	9.99	-8.35%	
TSC	2.18	GIẢM	GIẢM		2.63				3.23		
TTF	2.48	GIẢM	GIẢM	2.75	2.61	-5.24%	BÁN		2.97		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-3.70%			2.89		
TVC	20.00	GIẢM	TĂNG		21.41			14.30	18.60	39.86%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.36			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	8.30	GIẢM	GIẢM		9.86				12.75		
VNA	2.90	GIẢM	GIẢM		3.13				4.10		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	6.60	GIẢM	GIẢM		7.71				10.69		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	936.62	-2.39%	HNI	102.36	-1.68%	UPCoM	55.13	-1.08%
VN30	848.63	-3.10%	HN30	177.95	-2.30%			
VN Mid	896.47	-2.85%	VNX	816.56	-2.85%			
VN Small	730.48	-1.93%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	525.01		Mua	3.05		Mua	27.67	
Bán	547.35		Bán	5.67		Bán	18.99	
GT ròng	-22.34		GT ròng	-2.62		GT ròng	8.67	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DHG	6500	6.99%	AMV	2000	10.00%	DVN	1600	14.41%
GAB	2850	6.89%	DHT	4800	9.86%	PXL	0	0.00%
IMP	3500	6.82%	OCH	0	0.00%	BOT	-100	-0.18%
DMC	4600	6.44%	SHB	0	0.00%	QNS	-100	-0.36%
HHS	200	5.51%	MBS	0	0.00%	VIB	-300	-1.72%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPG	-2100	-7.00%	PVS	-1000	-5.78%	CTR	-5200	-10.63%
VJC	-9800	-7.00%	NTP	-1700	-5.31%	SIP	-6600	-7.89%
ANV	-1450	-6.99%	TNG	-800	-4.91%	MPC	-1700	-7.69%
TCM	-1550	-6.98%	HUT	-100	-4.35%	OIL	-600	-7.69%
LDG	-530	-6.97%	DGC	-1000	-3.91%	GVR	-800	-6.90%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	388,641		ACB	39,094		ACV	143,290	
VCB	329,719		VCG	11,396		VEA	59,913	
VHM	287,504		VCS	10,848		MCH	47,542	
BID	211,960		SHB	9,023		GVR	46,240	
VNM	203,045		PVS	8,269		BCM	29,355	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	28,070,400	6,766,638	SHB	19,037,757	6,187,766	BSR	2,822,569	2,641,702
CTG	11,885,850	6,958,313	OCH	6,404,800	124	LPB	1,697,740	508,448
HPG	11,221,470	7,117,771	PVS	4,335,029	2,562,356	KSH	1,513,610	366,052
FLC	9,982,620	6,175,171	ACB	4,243,264	2,235,349	VIB	988,717	622,152
DLG	9,079,960	8,548,888	ART	2,730,650	1,500,225	GVR	656,157	455,043

Nguồn: Bloomberg & YSVN

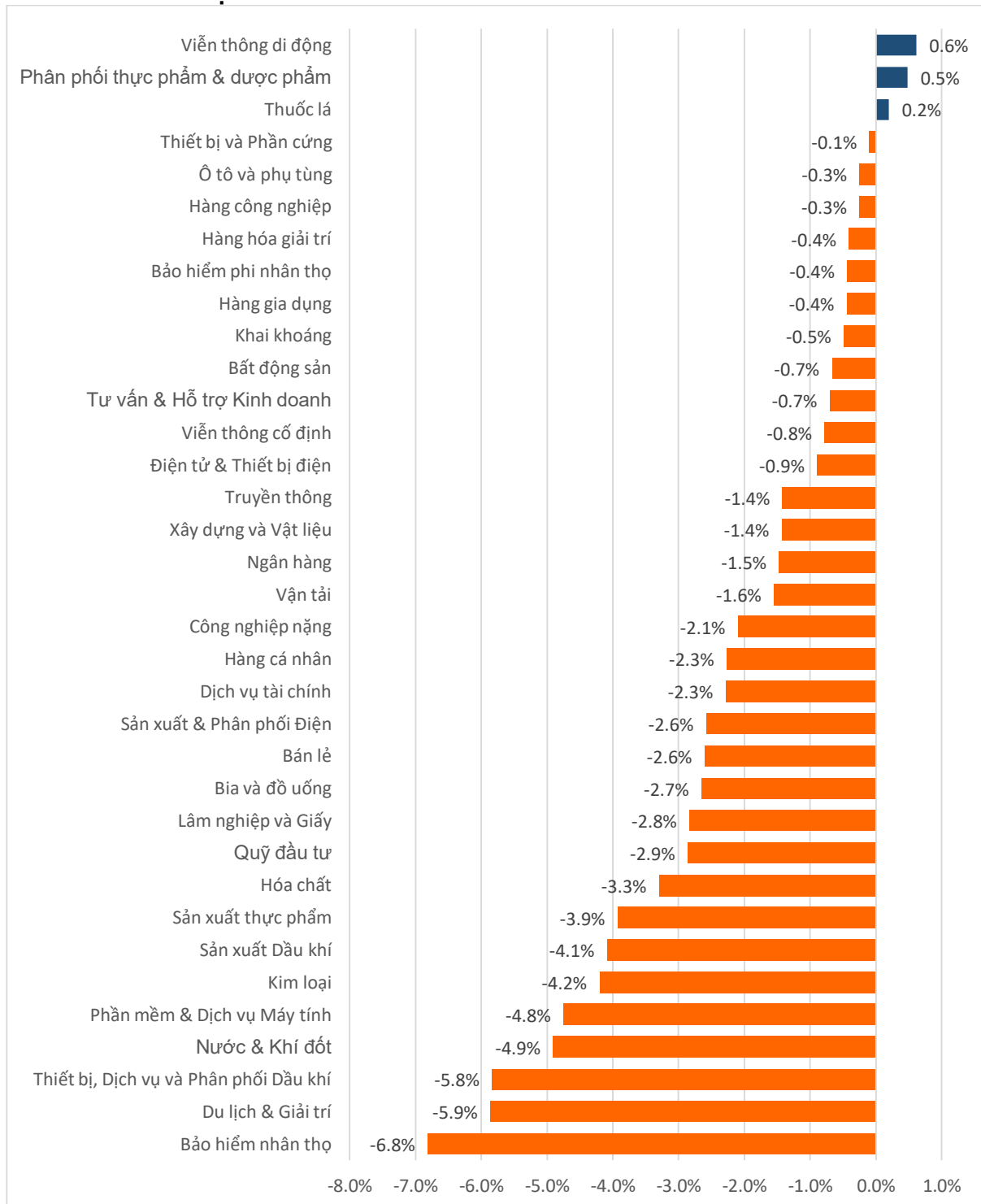
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



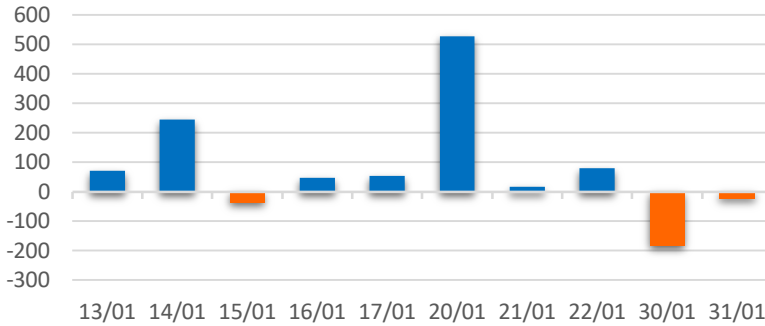
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

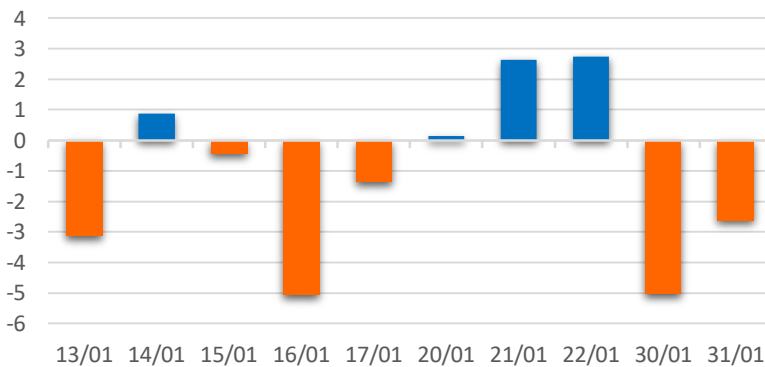
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	48,155	VNM	51,197
VPB	31,684	CTG	28,500
VHM	31,262	VIC	19,559
GAS	21,194	VJC	16,500
NT2	10,625	HPG	14,416

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

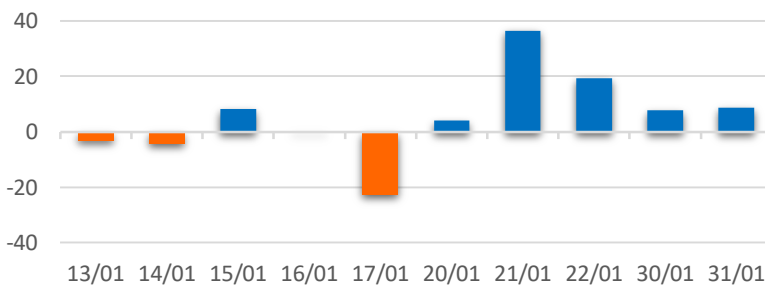
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CEO	363	SHB	1,267
BVS	231	PVS	988
IDV	183	NTP	786
INN	131	PVI	412
PMC	116	CSC	281

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	3,485	BSR	867
VEA	2,414	MPC	452
ACV	2,083	TTD	365
FOX	388	OIL	295
ABI	88	CTR	143

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



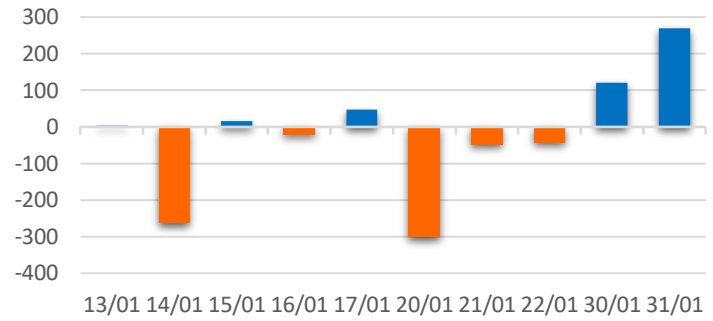
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

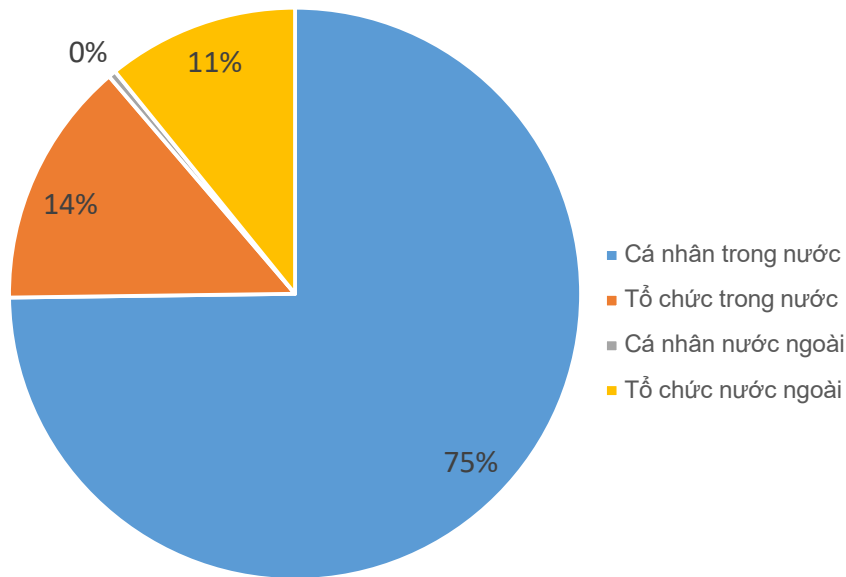
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
ROS	194,106	ROS	47,175
MWG	41,566	VNM	20,969
FPT	28,749	FPT	14,690
VNM	15,107	E1VFN30	12,649
PLX	15,002	VPB	11,826

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

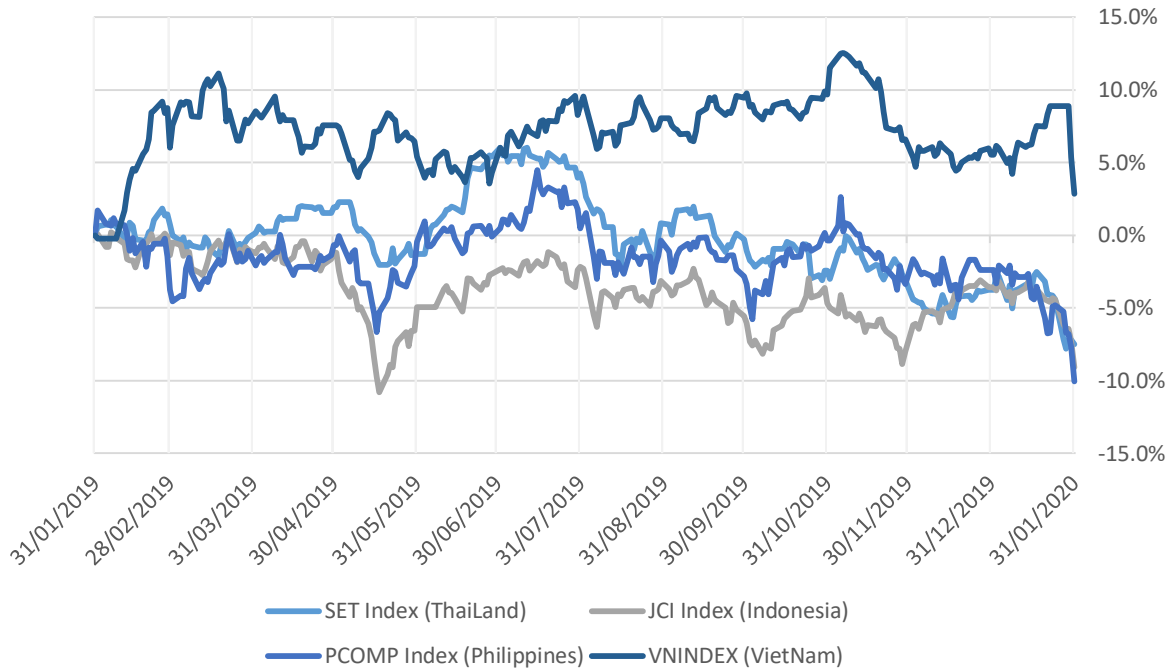


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

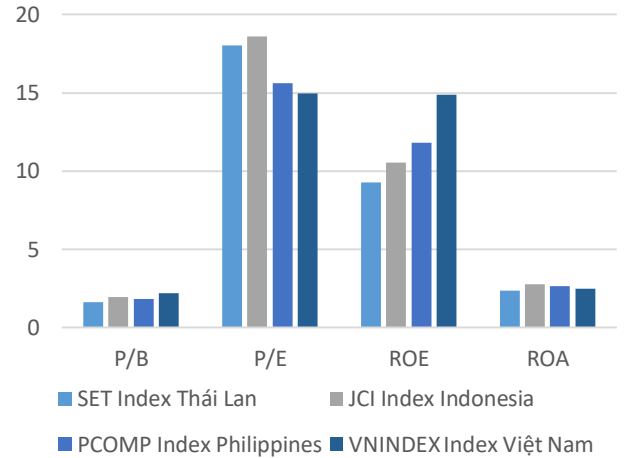
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.8x	2.2x
P/E		18.0x	18.6x	15.6x	14.9x
ROE	%	9.25	10.55	11.79	14.87
ROA	%	2.37	2.78	2.66	2.48
Vốn hóa	Tỷ USD	518.09	514.70	181.27	141.41
GTGD	Triệu USD	1.50	0.30	0.07	0.17
LS cổ tức	%	3.42	2.56	1.74	2.09

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written